

- Ông Đinh Quốc H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu 1, xã Đan T, huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị G1, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu 7, xã Lệnh K, huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.
- Ông Đào Văn H2, sinh năm 1874; địa chỉ: Khu 7, xã Lệnh K, huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.
- Bà Nguyễn Mai L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 103, tổ 3, khu Mã T, thị trấn Phong C, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ;
- Ông Trần Minh T2, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu Tầm V, thị trấn Phong C, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.
- Công ty TNHH Lâm sản Đại N; địa chỉ: Phường Đăng G, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng.
- Công ty Cổ phần Thuận Đ; địa chỉ: Xã Tây C, huyện Đoan H, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.
- Tổng Công ty G; địa chỉ: Thị trấn Phong C, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hợp tác xã nông nghiệp Duy B (gọi tắt là HTX Duy B) thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 180407000086/HTX do UBND huyện Hạ H cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/01/2017, đăng ký lại lần hai ngày 15/5/2018. Địa chỉ trụ sở chính: Khu 10, xã Phụ K, huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ. Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải và chế biến gỗ. Người đại diện theo pháp luật: Đinh Đức T - Giám đốc - Chủ tịch Hội đồng quản trị. HTX Duy B có 07 thành viên, vốn điều lệ: 1.200.000.000 đồng, trong đó vốn góp của ông Đinh Đức T là 230.000.000 đồng, chiếm 19,16%; vốn góp của bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984, trú tại: Khu 2, xã Đan T, huyện Hạ H là 190.000.000 đồng chiếm 15,83%; vốn góp của ông Trần Hữu H, sinh năm 1968, trú tại: Khu 10, xã Phụ K, huyện Hạ H là 140.000.000 đồng chiếm 12,5%; vốn góp của bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979, trú tại: Khu 10, xã Phụ K là 170.000.000 đồng chiếm 14,16%; vốn góp của ông Đinh Quốc H1 sinh năm 1981, trú tại: Khu 1, xã Đan Thượng, huyện Hạ H là 160.000.000 đồng chiếm 13,75%; vốn góp của bà Nguyễn Thị G1, sinh năm 1977, trú tại: Khu 7, xã Lệnh K, huyện Hạ H là 180.000.000 đồng chiếm 15,83%; vốn góp của ông Đào Văn H2 sinh năm 1974, trú tại: Khu 7, xã Lệnh K, huyện Hạ H là 130.000.000 đồng chiếm 10,83%.

HTX Duy B hoạt động sản xuất kinh doanh dăm mảnh gỗ làm nguyên liệu giấy dưới hình thức: HTX thu mua cành cây, gỗ cây keo nguyên liệu của các hộ dân trên địa bàn huyện Hạ H, thực hiện sản xuất thành dăm mảnh gỗ tại xưởng

thuộc khu 10, xã Phú K, huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ để xuất bán cho các khách hàng.

Quá trình điều tra xác định:

Trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2019, HTX Duy B đã sản xuất và bán ra thị trường 9.431,115 tấn dăm mảnh gỗ tương đương trị giá 12.498.305.724 đồng. Trong đó:

- Bán hàng cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT), các đơn vị mua hàng đã thanh toán tiền hàng vào tài khoản số 112000196002 của HTX Duy B mở tại Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh thị xã Phú T và được hạch toán trên sổ sách kế toán, kê khai quyết toán thuế là: 2.640,043 tấn tương đương trị giá 4.461.578.569 đồng, cụ thể:

+ Năm 2018: Xuất bán 1.718,220 tấn tương đương trị giá 3.166.815.352 đồng.

+ Năm 2019: Xuất bán 921,823 tấn tương đương trị giá 1.294.763.217 đồng.

- Ngoài số lượng dăm mảnh đã bán theo hoá đơn GTGT nêu trên, HTX Duy B còn bán cho bà Nguyễn Mai L, trú tại: Thị trấn Phong C, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ tổng số 6.791,072 tấn dăm mảnh gỗ tương đương 8.036.727.155 đồng, nhưng không xuất hóa đơn GTGT, không hạch toán doanh thu trên sổ sách kế toán của Hợp tác xã, không kê khai báo cáo thuế với đơn vị quản lý thuế trực tiếp là Chi cục thuế khu vực Thanh B - Hạ H. Cụ thể:

Đầu năm 2018, bà Nguyễn Mai L đã trực tiếp liên hệ với Đinh Đức T - Giám đốc HTX Duy B để mua dăm mảnh gỗ nhưng không ký hợp đồng mua bán, không yêu cầu HTX Duy B xuất hoá đơn GTGT, giá thu mua từ 1.100.000 đồng đến 1.200.000 đồng/tấn tùy vào từng thời điểm. Địa điểm giao nhận hàng tại kho của Tổng Công ty G, trụ sở tại: Thị trấn Phong C, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ. Để vận chuyển số dăm mảnh gỗ bán cho bà L, HTX nông nghiệp Duy B đã sử dụng 02 xe ô tô tải của HTX biển kiểm soát: 19C - 090.67 và 19C-107.47 do các cá nhân gồm: Ông Trần Hữu H3, sinh năm 1972 thường trú: Xã Phú K, huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ và ông Nguyễn Văn U sinh năm 1987, thường trú: Xã Lang S, huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ là lái xe của HTX Duy B trực tiếp điều khiển. Ngoài ra, HTX Duy B còn thuê 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 19C - 081.34 của anh Nguyễn Xuân Đ1 sinh năm 1978, ở Khu 11, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ để chở dăm mảnh từ xưởng sản xuất của HTX Duy B đến kho của Tổng Công ty G giao cho bà L. Khi chở dăm mảnh đến kho Tổng Công ty G, lái xe sẽ liên hệ với bà L để làm các thủ tục cân hàng. Sau khi xuống hàng, lái xe mang phiếu cân vật tư về chuyển lại cho ông T tập hợp theo dõi số lượng dăm mảnh đã bán cho bà L để chốt số lượng và thanh toán tiền hàng. Trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2019, HTX Duy B đã xuất bán cho bà L tổng số 6,791,072 tấn dăm mảnh gỗ (trong đó năm 2018 bán 3.251,765

tấn, năm 2019 bán 3.539,307 tấn). Bà L đã chuyển khoản thanh toán tiền mua dăm mảnh vào tài khoản cá nhân số 106868545103 của Đinh Đức T mở tại Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh thị xã Phú Thọ tổng số 8.042.620.000 đồng thông qua 91 lần chuyển tiền thể hiện ở 91 giấy báo có (trong đó: Thanh toán tiền mua 6.791,072 tấn dăm mảnh gỗ số tiền 8.036.727.155đ, tiền thừa chuyển thanh toán lần sau: 5.892.845 đồng). Toàn bộ số tiền nhận được T đã rút tiền mặt, để thanh toán tiền mua nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất.

Theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định: "Người bán hàng phải lập hoá đơn khi bán hàng hóa ... Trường hợp khi bán hàng hoá từ 200.000đ trở lên mỗi lần người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế thì vẫn phải lập hoá đơn và ghi rõ người mua không lấy hoá đơn hoặc người mua không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế". Đồng thời, phải ghi nhận doanh thu và giá vốn vào sổ sách kế toán, kê khai thuế đối với doanh thu phát sinh. Tuy nhiên, để trốn tiền thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước, HTX Duy B đã không xuất hóa đơn GTGT, không hạch toán kê khai số tiền 8.036.727.155 đồng doanh thu từ việc bán 6.791,072 tấn dăm mảnh gỗ cho bà L.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, bà Nguyễn Mai L khai nhận:

Bà L được ông Trần Minh T2, sinh năm 1983, trú tại thị trấn Phong C, huyện Phù N, Phú Thọ thuê thu mua dăm mảnh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, nhưng không yêu cầu đơn vị bán hàng xuất hoá đơn GTGT. Mỗi tấn dăm mảnh thu mua được ông T2 trả cho bà L số tiền 2.000 đồng. Sau đó, bà L đã liên hệ với Đinh Đức T - Giám đốc HTX Duy B để mua dăm mảnh gỗ cung cấp cho T2. Từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2019, bà L mua của HTX Duy B tổng số 6.791,72 tấn dăm mảnh gỗ nhưng không ký hợp đồng mua bán, không yêu cầu HTX Duy B xuất hóa đơn GTGT. Sau khi chốt khối lượng dăm mảnh nêu trên với bà L, ông T2 đã chuyển vào tài khoản cá nhân số 103868527382 của bà Nguyễn Mai L mở tại Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh Đền H số tiền 10.178.791.000 đồng thông qua 33 lần chuyển tiền thể hiện trên 33 giấy báo có (trong đó có số tiền 8.042.620.000đ tiền thanh toán cho HTX Duy B). Bà L chuyển số tiền 8.042.620.000 đồng đến tài khoản cá nhân của Đinh Đức T để thanh toán tiền mua 6.791,072 tấn dăm mảnh của HTX Duy B, còn lại 2.136.171.000 đồng bà L sử dụng để thanh toán tiền mua dăm mảnh của các doanh nghiệp và cá nhân khác.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra ông Trần Minh T2 khai nhận: Đầu năm 2018, ông T2 được Công ty TNHH Lâm Sản Đại N có trụ sở tại: Phường Đằng G, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và Công ty CP Thuận Đ có trụ sở tại: Xã Tây C, huyện Đoan H, tỉnh Phú Thọ thuê thu mua dăm mảnh gỗ để bán cho Tổng Công ty G. Mỗi tấn dăm mảnh thu mua được Công ty TNHH Lâm Sản Đại N và Công ty CP Thuận Đ trả cho ông T2 số tiền 5.000 đồng. Sau đó,

ông T2 đã thuê bà Nguyễn Mai L thu mua dăm mảnh và thỏa thuận trả cho bà L 2.000đ/tấn thu mua được. Từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2019, bà L đã thu mua cho ông T2 tổng số 6.791,072 tấn dăm mảnh gỗ của HTX Duy B như đã nêu trên. Ông T2 đã phân bổ Công ty TNHH Lâm sản Đại N 2.931,334 tấn và phân bổ cho Công ty CP Thuận Đ 3.859,738 tấn để nhập vào Tổng công ty G. Sau khi được Công ty TNHH Lâm sản Đại N và Công ty CP Thuận Đ chuyển khoản thanh toán dăm mảnh vào tài khoản cá nhân số 104868004590 của ông T2 mở tại Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh Đền H số tiền: 10.210.000.000 đồng thông qua 24 lần chuyển tiền (thể hiện trên 24 giấy báo có) để thanh toán tiền mua dăm mảnh (trong đó: Công ty TNHH Lâm Sản Đại N chuyển 15 lần, số tiền 4.900.000.000đ, Công ty CP Thuận Đ chuyển 9 lần, số tiền 5.310.000.000đ), ông T2 đã chuyển vào tài khoản cá nhân số 103868527382 của bà Nguyễn Mai L mở tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Đền H số tiền 10.178.791.000 đồng thông qua 33 lần chuyển tiền thể hiện trên 33 giấy báo có để bà L thanh toán tiền cho các đơn vị bán dăm (trong đó có số tiền 8.042.620.000đ tiền thanh toán cho HTX Duy B), còn lại 31.209.000 đồng chuyển thừa thanh toán lần sau.

Ngày 08/10/2019, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 253 trưng cầu Cục thuế tỉnh Phú Thọ giám định về thuế đối với số lượng dăm mảnh gỗ mà HTX Duy B đã xuất bán nhưng không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai, hạch toán nêu trên.

Tại Kết luận giám định ngày 16/10/2019 của Cục thuế tỉnh Phú Thọ xác định: Số tiền thuế GTGT mà HTX nông nghiệp Duy B đã trốn là: $(8.036.727.155đ : 1,1) \times 10\% = 730.611.560đ$.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã thu thập hồ sơ, tài liệu chi phí của HTX Duy B để phục vụ giám định xác định việc kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của HTX Duy B. Ngày 13/02/2020, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 36 trưng cầu Cục thuế tỉnh Phú Thọ giám định về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số lượng dăm mảnh gỗ mà HTX Duy B đã xuất bán nhưng không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai, hạch toán nêu trên.

Tại Kết luận giám định ngày 18/2/2020 của Cục thuế tỉnh Phú Thọ xác định: Năm 2018, HTX nông nghiệp Duy B lỗ 356.921.634 đồng nên không gây thiệt hại về thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với 5 tháng đầu năm 2019, do chưa đến kỳ quyết toán thuế của đơn vị, nhiều khoản chi phí liên quan không tính toán được nên chưa đủ cơ sở kết luận về thuế. Do đó, cần tách nội dung này ra, khi nào làm rõ sẽ xem xét sau là phù hợp.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Đinh Đức T như: Giấy báo có thể hiện việc chuyển tiền giữa Công ty TNHH Lâm sản Đại N, Công ty CP Thuận Đ với ông T2, giữa ông T2 với bà L, giữa bà L và Đinh Đức T; phiếu cân vật tư kèm chứng thư giám định chất lượng và khối lượng của Tổng công ty G thể hiện số lượng

dăm mảnh HTX nông nghiệp Duy B chở đến cho Công ty TNHH Lâm sản Đại N, Công ty CP Thuận Đ để nhập vào Tổng công ty G; bảng kê theo dõi số lượng dăm mảnh HTX Duy B xuất bán cho Nguyễn Mai L nhập tại kho Tổng công ty giấy nhưng không xuất hóa đơn được in ra từ máy tính của Hợp tác xã.

Bản thân Đinh Đức T - Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của HTX nông nghiệp Duy B là người chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Hợp tác xã. Tuy nhiên, T đã không trao đổi, bàn bạc, thống nhất với các thành viên góp vốn của HTX nông nghiệp Duy B mà tự ý thực hiện việc thu mua gỗ nguyên liệu của các hộ dân trồng rừng trên địa bàn huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ không có hóa đơn rồi sản xuất thành hàng dăm mảnh tại xưởng sản xuất của HTX Duy B. Sau đó xuất bán dăm mảnh cho bà Nguyễn Mai L nhưng không ký hợp đồng mua bán hàng hóa, không xuất hóa đơn GTGT. Việc thanh toán tiền mua bán dăm mảnh gỗ lại chuyển vào tài khoản cá nhân của Đinh Đức T, T không hạch toán trên sổ sách kế toán của HTX Duy B, không kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Thanh B - Hạ H gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tiền thuế giá trị gia tăng là: 730.611.560 đồng.

Đối với các thành viên góp vốn tại HTX Duy B: Bà Nguyễn Thị P, ông Trần Hữu H, bà Nguyễn Thị T1, ông Đinh Quốc H1, bà Nguyễn Thị G1, ông Đào Văn H2 là các thành viên góp vốn vào Hợp tác xã. Tuy nhiên, các thành viên này không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động, không theo dõi tình hình sản xuất, kinh doanh của HTX Duy B. Mặt khác, các thành viên góp vốn không được T trao đổi, bàn bạc, thống nhất về việc HTX Duy B xuất bán 6.791,072 tấn dăm mảnh gỗ với số tiền 8.036.727.1550 cho bà Nguyễn Mai L nhưng không xuất hoá đơn GTGT, không kê khai thuế và không được hưởng lợi ích từ việc này. Do vậy, Viện kiểm sát xác định các thành viên góp vốn tại HTX Duy B không đồng phạm trong việc thực hiện hành vi trốn thuế nêu trên.

Quá trình điều tra xác định: Hợp tác xã nông nghiệp Duy B hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Hợp tác xã, vốn điều lệ: 1.200.000.000 đồng gồm có 07 thành viên. Theo quy định pháp luật hiện hành, HTX Duy B là pháp nhân thương mại. Với số tiền trốn thuế giá trị gia tăng của HTX Duy B là: 730.611.560 đồng đã đủ yếu tố định lượng của tội phạm trốn thuế của pháp nhân thương mại. Nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS quy định về điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại thì:

“7. Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a, Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại;
- b, Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại;
- c, Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp

thuận của pháp nhân thương mại.

d, Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 bộ luật này.

Đối chiếu với quy định trên thấy rằng: Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX đều do Đinh Đức T trực tiếp chỉ đạo điều hành. Hàng năm, T không tổ chức họp hội đồng thành viên, không thông báo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho các thành viên. Việc HTX Duy B bán 6.791,072 tấn dăm mảnh gỗ với số tiền 8.036.727.155 đồng cho Nguyễn Mai L nhưng không xuất hoá đơn GTGT, không kê khai báo cáo thuế là do T trực tiếp thực hiện, không bàn bạc với ai, không có sự đồng thuận của các thành viên tham gia góp vốn thông qua các cuộc họp hội đồng thành viên, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn, không vì lợi ích của pháp nhân. Các thành viên góp vốn không ủy quyền toàn bộ cho Đinh Đức T trong việc quản lý, chỉ đạo, điều hành HTX. Do vậy, không đủ căn cứ để khởi tố pháp nhân thương mại đối với HTX Duy B về hành vi trốn thuế.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 21/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt: Bị cáo Đinh Đức T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trốn thuế”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Đinh Đức T đi thi hành án.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015: Thu hồi để nộp ngân sách Nhà nước số tiền trốn thuế của bị cáo Đinh Đức T là 730.611.560 đồng (Bảy trăm ba mươi triệu sáu trăm mười một nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Ngày 03/8/2020, bị cáo Đinh Đức T có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Đức T thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày: Bị cáo T đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với Cách mạng (bố vợ bị cáo là Thương binh). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Đức T đã tự nguyện nộp 50 triệu đồng khắc phục hậu quả. Do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, cho bị cáo T được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội

dung vụ án, vật chứng thu giữ được đã kết luận: Bị cáo Đinh Đức T không ký hợp đồng mua bán dăm mảnh với bà L, không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, không hạch toán vào sổ sách của HTX Duy B và không đăng ký kê khai thuế. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đinh Đức T phạm tội “Trốn thuế” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Đức T thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện nộp 50 triệu đồng khắc phục hậu quả. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bố vợ là Thương binh nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Đức T, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Đức T thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tài liệu thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2019, bị cáo Đinh Đức T đã thực hiện thu mua gỗ nguyên liệu của các hộ dân trồng rừng trên địa bàn huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ không có hóa đơn chứng từ rồi sản xuất thành hàng dăm mảnh tại xưởng của Hợp tác xã Duy B. Sau đó, bị cáo Đinh Đức T xuất bán hàng cho bà Nguyễn Mai L theo thỏa thuận từ 1.100.000 đồng đến 1.200.000 đồng/tấn dăm mảnh (tùy vào từng thời điểm). Tổng số lượng xuất bán 6.791,072 tấn dăm mảnh gỗ với số tiền 8.036.727.155 đồng. Quá trình bán hàng không ký hợp đồng mua bán hàng hóa, không xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Bà L đã thanh toán đầy đủ tiền mua hàng vào tài khoản cá nhân của bị cáo T. Toàn bộ số tiền có được từ việc bán dăm mảnh gỗ cho bà Nguyễn Mai L, bị cáo T không hạch toán các khoản thu có liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp trên hệ thống sổ sách kế toán của Hợp tác xã Duy B, không kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Thanh B - Hạ H gây thất thu thuế cho ngân sách Nhà nước số tiền là 730.611.560 đồng tiền thuế giá trị gia tăng. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử bị cáo Đinh Đức T về tội “Trốn thuế” theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Đinh Đức T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Mặc dù bị cáo Đinh Đức T là Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp Duy B, nhưng Hợp tác xã Duy B do bị cáo T thành lập mới hoạt động được một thời gian ngắn và bị cáo mới học hết lớp 9, nhận thức pháp luật hạn chế, không hiểu biết quy định của pháp luật về quản lý doanh nghiệp đặc biệt là chính sách về

thuế nên nhất thời phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo T thành khẩn khai báo, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nơi thường trú cụ thể rõ ràng và có việc làm ổn định (khi phạm tội bị cáo đang làm Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp Duy B và hiện nay Hợp tác xã nông nghiệp Duy B vẫn đang duy trì hoạt động) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo nộp 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, thể hiện thái độ thật sự ăn năn hối cải của bị cáo. Gia đình bị cáo có công với Cách mạng (bố mẹ đẻ và bố mẹ vợ của bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến) và hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Xét thấy bị cáo T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tiếp tục làm việc.

Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo Đinh Đức T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Đức T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HSST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ về phần hình phạt đối với bị cáo Đinh Đức T, cụ thể như sau:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm i, s, khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Đinh Đức T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trốn thuế”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Đinh Đức T cho Ủy ban nhân dân xã Đan T, huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đinh Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đinh Đức T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Đinh Đức T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho

hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đinh Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Về biện pháp tư pháp: Xác nhận bị cáo Đinh Đức T đã nộp 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả số tiền trốn thuế tại Biên lai số 0000117 ngày 27/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Bị cáo Đinh Đức T còn phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền trốn thuế còn lại là 680.611.560 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu, sáu trăm mười một nghìn, năm trăm sáu mươi đồng).

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo T (theo địa chỉ)
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh